TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 111/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 05 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xóm HL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm HL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Tổng Giám đốc của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Đình L– Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

(Theo văn bản ủy quyền thường xuyên tại Quyết định số: 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội).

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, Điều 60, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị D cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh B và chị D có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/3/2008 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/10/2011. Sau khi ly hôn, chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh B do chị D tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh B và chị D thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn B – nguyên đơn, chị Nguyễn Thị D – bị đơn và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội - ông Ma Đình Lương – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ - Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị D nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội với số tiền vay là 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đ theo sổ vay vốn có mã khách hàng: 2102062000100723. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cả gốc và lãi theo quy định của Ngân hàng.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn B tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008656 ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục thi hành án huyện Đ;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Kiểm